TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-3-2019
V/v: Kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sửu

2. Bà Triệu Thị Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đăk Lăk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện E mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 298/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc *"Kiện ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thúy D; sinh năm 1990. Có mặt.
Trú tại: Thôn B, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Anh Võ Nhật T; sinh năm 1988. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.
Nơi cư trú: Thôn A, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thúy D và anh Võ Nhật T tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Thời gian chung sống hạnh phúc với nhau được 1 năm, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi, thường xuyên đánh bạc, về nhà đánh đập chị D. Hiện chị D và anh T đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy không còn tình cảm gì với anh T, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Đối với bị đơn anh Võ Nhật T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã áp dụng thủ tục niêm yết công khai đối với anh Võ Nhật T theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thúy D và anh Võ Nhật T tự nguyện về sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy đăng ký kết hôn số 268/TLKH-BS ngày 17 tháng 9 năm 2016. Trong quá trình sống chung hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T ham chơi, thường xuyên đánh bạc về đánh đập chị D, nên chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh T cư trú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thúy D và anh Võ Nhật T kết hôn và về chung sống với nhau từ tháng 9/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã R. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi, thường xuyên đánh bạc, đánh đập chị D, hiện chị D không còn tình cảm gì với anh T, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị D và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã can thiệp và hòa giải nhưng không thành, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Bùi Thị Thúy D và anh Võ Nhật T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị Thúy D không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thúy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thúy D.

1.Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Thúy D được ly hôn với anh Võ Nhật T.

2. Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị Thúy D và anh Võ Nhật T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị Thúy D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số AA/2017/0008805 ngày 18 tháng 9 năm 2018.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Thủy